

CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỚI QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

PGS, TS NGUYỄN TRỌNG PHÚC^(*)

Năm 1917, trong bài viết về C.Mác, V.I. Lênin đã nêu rõ: “Chủ nghĩa Mác là hệ thống các quan điểm và học thuyết của Mác. Mác đã thừa kế và hoàn chỉnh một cách thiên tài ba trào lưu tư tưởng chủ yếu của thế kỷ XIX, thuộc ba nước tiên tiến nhất của loài người: triết học cổ điển Đức, môn kinh tế chính trị cổ điển Anh và chủ nghĩa xã hội Pháp gắn liền với các học thuyết cách mạng Pháp nói chung. Tính triệt để và tính hoàn chỉnh tuyệt vời (mà ngay cả kẻ thù của Mác cũng phải thừa nhận) của những quan điểm của ông (mà toàn bộ hợp thành chủ nghĩa duy vật hiện đại và chủ nghĩa xã hội khoa học hiện đại, tức là lý luận và cương lĩnh của phong trào công nhân ở tất cả các nước văn minh trên thế giới)”⁽¹⁾.

Mác và Ph. Ăngghen kế thừa và phát triển phép biện chứng của Hêghen, theo Mác thì *Phép biện chứng* là “khoa học về những quy luật chung của sự vận động của thế giới bên ngoài cũng như của tư duy con người”. Mác đã đưa ra quan niệm duy vật lịch sử, tức là vận dụng triệt để chủ nghĩa duy vật để xem xét những hiện tượng xã hội

trong lịch sử. “Chủ nghĩa Mác mở đường cho việc nghiên cứu rộng rãi và toàn diện quá trình phát sinh, phát triển và suy tàn của các hình thái kinh tế xã hội bằng cách xem xét *toàn bộ* những xu hướng mâu thuẫn nhau, bằng cách quy những xu hướng ấy vào những điều kiện sinh hoạt và sản xuất đã được xác định rõ ràng của *các giai cấp* trong xã hội”⁽²⁾. Mác và Ăngghen đã phát triển và chứng minh lý luận về đấu tranh giai cấp, khẳng định lịch sử tất cả các xã hội cho đến nay (từ xã hội cộng sản nguyên thủy) là lịch sử đấu tranh giai cấp, đồng thời cũng chỉ rõ lịch sử đấu tranh giữa các dân tộc. Mác đã chứng minh vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử, con người làm ra lịch sử của chính mình.

Lênin cũng cho rằng: “Nghiên cứu sự phát sinh, phát triển và suy tàn của những quan hệ sản xuất của một xã hội nhất định trong lịch sử, đó là nội dung của học thuyết kinh tế của Mác”⁽³⁾. Bắt đầu từ việc phân tích hàng hóa, sản xuất hàng hóa, giá trị sử dụng và giá trị trao đổi của hàng hóa, Mác phát hiện ra giá trị thặng dư và bóc lột giá trị thặng dư trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Theo Ăngghen, Mác đã tìm ra quy luật phát triển của lịch sử loài người và

^(*) Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

“Mác cũng tìm ra quy luật vận động riêng của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa hiện đại và của xã hội tư sản do phương thức đó đẻ ra. Với việc phát hiện ra giá trị thặng dư trong lĩnh vực này, thì lập tức một ánh sáng đã hiện ra trong khi tất cả các công trình nghiên cứu trước đây của các nhà kinh tế học tư sản cũng như của các nhà phê bình xã hội chủ nghĩa vẫn đều mờ mịt trong bóng tối. Hai phát minh như vậy đối với một đời người cũng là đủ rồi. Người nào mà có được một phát minh như vậy thì hẳn là đã hạnh phúc lắm rồi!”⁽⁴⁾.

Về chủ nghĩa xã hội, “Mác hoàn toàn dựa vào và chỉ dựa vào những quy luật kinh tế của sự vận động của xã hội hiện đại mà kết luận rằng, xã hội tư bản chủ nghĩa nhất định sẽ phải chuyển biến thành xã hội xã hội chủ nghĩa”⁽⁵⁾. Mác cũng đề ra sách lược, hình thái đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản; khẳng định sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản trong cách mạng vô sản là đánh đổ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* của Mác - Ăngghen công bố năm 1848 đánh dấu sự ra đời học thuyết cách mạng và khoa học, vũ khí tư tưởng, lý luận của một cuộc cách mạng xã hội trong thời đại mới. Cuộc cách mạng đó phản ánh quy luật phát triển tất yếu của lịch sử loài người. “Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản là tất yếu như nhau”⁽⁶⁾. Mác cũng là người thấy rõ thời kỳ quá độ chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, tương ứng với thời kỳ đó là chuyên chính vô sản.

Lênin phát triển học thuyết Mác trong thời kỳ phát triển của chủ nghĩa đế quốc cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Với sự phát triển sáng tạo đó đã dẫn tới thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 -

cuộc cách mạng đã mở ra thời đại mới trong lịch sử nhân loại - thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Sự phát triển lý luận khoa học và minh chứng bằng thắng lợi của cuộc cách mạng do Lênin lãnh đạo, đã đưa chủ nghĩa xã hội từ khoa học thành hiện thực và phát triển đầy đủ, toàn diện hơn trong học thuyết Mác - Lênin.

Như đã trình bày, học thuyết khoa học và cách mạng của Mác và được Lênin phát triển không chỉ giải phóng giai cấp vô sản, mà còn giải phóng các dân tộc bị áp bức, giải phóng nhân dân lao động và toàn thể loài người. Trên con đường đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã tìm thấy ở chủ nghĩa Mác - Lênin con đường cách mạng chân chính, con đường cứu nước đúng đắn.

Những năm 20 của thế kỷ XX, Nguyễn Ái Quốc đã tiếp thu lý luận Mác - Lênin từ cội nguồn và ra sức truyền bá lý luận đó thông qua những luận đề tư tưởng của mình vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam, giác ngộ giai cấp công nhân và cả dân tộc Việt Nam đấu tranh để giành độc lập, giải phóng dân tộc, giải phóng những người lao động cùng khổ, xây dựng xã hội mới vì nhân dân, vì con người.

Theo Nguyễn Ái Quốc, muốn đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc vào quỹ đạo của cách mạng vô sản, cần phải nắm vững mục tiêu, bản chất và phương thức tiến hành cuộc cách mạng đó, đặc biệt ở một nước thuộc địa, phong kiến như Việt Nam, các nước Đông Dương và cả châu Á nói chung. “Chế độ cộng sản có áp dụng được ở châu Á nói chung và ở Đông Dương nói riêng không? Đây là vấn đề mà chúng ta đang quan tâm hiện nay”⁽⁷⁾. Nguyễn Ái Quốc đã

đặt vấn đề như thế vào tháng 5-1921 và Người đã trả lời câu hỏi tự đặt ra đó: “Xét những lý do lịch sử cho phép chủ nghĩa cộng sản thâm nhập dễ dàng vào châu Á, dễ dàng hơn là ở châu Âu”⁽⁸⁾. Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh sự cần thiết phải quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa cộng sản, tức chủ nghĩa bôn-sê-vích. Không nên hiểu chủ nghĩa bôn-sê-vích có nghĩa là: hoặc sự phá hoại tất cả, hoặc sự giải phóng khỏi ách nước ngoài. “Nghĩa thứ nhất gán cho danh từ ấy làm cho quần chúng vô học và nhút nhát xa lánh chúng ta; nghĩa thứ hai thì dẫn họ đến chủ nghĩa quốc gia. Cả hai điều đó đều nguy hiểm cả. Chỉ có một số người trong nhân dân hiểu được thế nào là chủ nghĩa cộng sản”⁽⁹⁾. Điều đó cho thấy việc truyền bá, giáo dục về chủ nghĩa cộng sản trong công nhân, nhân dân có tầm quan trọng đặc biệt.

Ngày từ đầu, Nguyễn Ái Quốc đã chú trọng vận dụng sáng tạo vào điều kiện của Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc nhận thức rõ ràng: “Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại”⁽¹⁰⁾. Và Nguyễn Ái Quốc đặt vấn đề phải mở rộng sự nghiên cứu và phát triển học thuyết Mác, cần phải “xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông”⁽¹¹⁾. Những năm 20 của thế kỷ XX, Nguyễn Ái Quốc đã thấy rằng ở Việt Nam “cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây... nếu nông dân gần như chẳng có gì thì địa chủ cũng không có vốn liếng gì lớn; nếu nông dân chỉ sống bằng cái tối thiểu cần thiết thì đời sống của địa chủ cũng chẳng có gì là xa hoa; nếu thợ thuyền không biết mình bị bóc lột bao nhiêu thì

chủ lại không hề biết công cụ để bóc lột của họ là máy móc; người thì chẳng có công đoàn, kẻ thì chẳng có tư tưởng. Người thì nhẫn nhục chịu số phận của mình, kẻ thì vừa phải trong sự tham lam của mình. Sự xung đột về quyền lợi của họ được giảm thiểu. Điều đó không thể chối cãi được”⁽¹²⁾.

Với sự phân tích về thực trạng các giai cấp và đấu tranh giai cấp ở Việt Nam như vậy, Nguyễn Ái Quốc nhìn nhận không chỉ ở Việt Nam mà cả Đông Dương, Trung Quốc và Ấn Độ, cả châu Á, phương Đông và cho rằng: “chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước. Chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó dạy cho những người cu-li biết phản đối, nó làm cho những người “nhà quê” phản đối ngấm trước thuế tạp dịch và thuế muối. Cũng chủ nghĩa dân tộc đã luôn luôn thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc; nó thúc giục thanh niên bãi khóa, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản và làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm 1916”⁽¹³⁾. “Giờ đây, người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại và duy nhất của đời sống xã hội của họ”⁽¹⁴⁾.

Đặt lên hàng đầu mục tiêu, nhiệm vụ giải phóng dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam và Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo học thuyết cách mạng của Mác, nhất là điều mà Mác và Ăngghen đã kêu gọi trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*: “giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc”⁽¹⁵⁾. Đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng đã được phát triển hoàn chỉnh bởi các Nghị quyết Hội nghị Trung ương (11-1939, 11-1940)

và 5-1941) và với sự lãnh đạo cương quyết, kịp thời và khôn khéo của Đảng và Hồ Chí Minh, Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã thắng lợi vẻ vang. Tiếp đó, đường lối giải phóng dân tộc, đường lối chiến tranh nhân dân cách mạng của Đảng và Hồ Chí Minh đã giành thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, giành độc lập và thống nhất hoàn toàn. Chính chủ nghĩa Mác đã khơi dậy chủ nghĩa dân tộc và tinh thần yêu nước Việt Nam, phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân, phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc giành độc lập và phát triển đất nước. Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã thật sự đại biểu cho tinh thần và sức mạnh của dân tộc, trong đó có sức mạnh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Mác và Lênin đã quan niệm rõ ràng về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội sau khi cách mạng vô sản nổ ra và giai cấp công nhân nắm chính quyền. Mác quan niệm về quá độ chính trị với sự thiết lập và vai trò của chuyên chính vô sản. Lênin đề cập nhiều hơn về quá độ kinh tế. Thời kỳ quá độ theo các ông là thời đại chuyên chính vô sản, là sự tồn tại của nhiều giai cấp, tầng lớp xã hội và vẫn diễn ra đấu tranh giai cấp với nội dung và hình thức mới, là sự tồn tại và phát triển của nhiều thành phần kinh tế đan xen nhau, nhiều chế độ sở hữu tư liệu sản xuất. Thời kỳ quá độ diễn ra rất dài trong lịch sử và phải trải qua nhiều chặng đường, bước đi khác nhau.

Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, Việt Nam đã bắt đầu kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Thực dân Pháp quay lại xâm lược Việt Nam lần thứ hai, vì vậy Đảng Cộng sản và dân tộc Việt Nam vẫn

phải tiếp tục cách mạng giải phóng dân tộc để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Năm 1946, trong chuyến đi thăm nước Pháp, khi trả lời nhà báo, trong hoàn cảnh rất phức tạp, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn khẳng định Việt Nam đi theo con đường của chủ nghĩa Mác. Người nêu rõ: “Tất cả mọi người đều có quyền nghiên cứu một chủ nghĩa. Riêng tôi, tôi nghiên cứu chủ nghĩa Các Mác... Còn khi nào thì chủ nghĩa Các Mác thực hiện thì tôi không thể trả lời được. Muốn cho chủ nghĩa cộng sản thực hiện được, cần phải có kỹ nghệ, nông nghiệp và tất cả mọi người đều được phát triển hết khả năng của mình. Ở nước chúng tôi, những điều kiện ấy chưa có đủ”⁽¹⁶⁾.

Đại hội II của Đảng (tháng 2-1951) xác định rõ con đường hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội. Năm 1954 miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong khi miền Nam vẫn phải tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Hoàn cảnh miền Bắc vừa mới thoát khỏi ách thực dân, phong kiến hết sức lạc hậu và đất nước đang bị chia cắt làm hai miền. “Trong những điều kiện như thế, chúng ta phải dùng những phương pháp gì, hình thức gì, đi theo tốc độ nào để tiến dần lên chủ nghĩa xã hội?... Chúng ta phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin để dùng lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới có thể dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta”⁽¹⁷⁾.

Đại hội III (tháng 9-1960) và Đại hội IV (tháng 12-1976) của Đảng đã đề ra đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cả nước. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta đã đạt được những thành tựu nhất định, đồng thời cũng bộc lộ những khuyết tật, yếu kém. Đó cũng chính là những yêu cầu khách quan phải tiến hành đổi mới, bắt đầu từ đổi mới tư duy lý luận, nhận thức rõ hơn về chủ nghĩa xã hội và những quy luật khách quan của thời kỳ quá độ.

Đại hội VI của Đảng (tháng 12-1986) đã hoạch định đường lối đổi mới. Với chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, với sự đổi mới cơ chế quản lý chuyển dần sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế Việt Nam đã phát triển một cách vững chắc, từng bước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng trầm trọng từ cuối những năm 70 và suốt những năm 80 của thế kỷ XX. Đại hội VII của Đảng (6-1991) đã đề ra *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Cương lĩnh đã nêu lên mô hình của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam gồm 6 đặc trưng. Đầu những năm 90, với chính sách kinh tế đúng đắn, với đường lối đối ngoại độc lập tự chủ phù hợp, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và điều hành của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, công cuộc đổi mới của Việt Nam đã vượt qua những thách thức hiểm nghèo do sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu.

Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, cách mạng Việt Nam phát triển theo đường lối đổi mới của Đảng chính là sự phát triển sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh và chứng minh giá trị khoa học, tính cách mạng của lý luận, tư

tưởng đó. Trải qua hơn 20 năm đổi mới trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, với sự sáng tạo, phù hợp với thực tiễn, Việt Nam đã tiến những bước dài với những biến đổi sâu sắc, những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Cùng với những thành tựu về tăng trưởng, phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, thực hiện chính sách xã hội, cải thiện đáng kể đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, giữ vững ổn định chính trị và tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, chúng ta còn đạt được thành tựu quan trọng về lý luận, “nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn”⁽¹⁸⁾, trước hết là về mục tiêu và mô hình của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đại hội X xác định mô hình 8 đặc trưng của chủ nghĩa xã hội Việt Nam là: xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

Mác không đưa ra một mô hình chủ nghĩa xã hội, nhưng trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Mác và Ăngghen đã đưa ra 10 biện pháp thực hiện chủ nghĩa cộng sản áp dụng ở các nước tiên tiến nhất (hiểu là các nước tư bản phát triển cao). Nhưng các

ông cũng lưu ý: “trong những nước khác nhau, những biện pháp ấy dĩ nhiên sẽ khác nhau rất nhiều”⁽¹⁹⁾. Đó là chỉ dẫn hết sức quý báu để cách mạng xã hội chủ nghĩa diễn ra ở các nước không hoàn toàn giống nhau. Và do đó, các đảng cộng sản cần hết sức tránh và khắc phục chủ nghĩa giáo điều, rập khuôn. Phải luôn luôn xuất phát từ thực tiễn nước mình để lựa chọn giải pháp, hình thức và bước đi thích hợp. Công cuộc đổi mới ở Việt Nam đã làm sáng tỏ hơn những giải pháp, biện pháp cần thiết để đạt tới mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam cũng đã làm sáng tỏ hơn những chặng đường, bước đi cụ thể; nước ta đã hoàn thành chặng đường đầu của thời kỳ quá độ (1996) và đang ở chặng đầy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cũng cần khẳng định, thực tiễn của công cuộc đổi mới đã chứng minh khả năng và nội dung bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

Giữa thế kỷ XIX, Mác và Ăngghen đã dự báo sự phát triển mạnh mẽ của đại công nghiệp, của khoa học công nghệ dưới chủ nghĩa tư bản, sự phát triển của thị trường thế giới. “Tự do buôn bán, thị trường thế giới, sự đồng đều của sản xuất công nghiệp và những điều kiện sinh hoạt thích ứng với nền sản xuất ấy thì những sự cách biệt dân tộc và những sự đối lập giữa nhân dân các nước cũng ngày càng mất đi”, “sự thống trị

của giai cấp vô sản sẽ càng làm cho những sự cách biệt và những sự đối lập ấy sẽ mất đi nhanh hơn”⁽²⁰⁾. Trong công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã thúc đẩy kinh tế thị trường phát triển ở trong nước và quan hệ thương mại với các nước. Ngày 7-11-2006, Việt Nam trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Việt Nam cũng kế thừa và phát triển thành quả của cách mạng khoa học, công nghệ trên thế giới.

Cần nhấn mạnh rằng, Đảng và Nhà nước Việt Nam trong khi kiên trì xây dựng đất nước theo con đường của chủ nghĩa xã hội đã luôn luôn nêu cao bản chất hòa bình, hữu nghị, chủ nghĩa quốc tế cao cả của chủ nghĩa xã hội. Thực hiện đường lối đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại, Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy với tất cả các nước trên thế giới vì một thế giới hòa bình, hợp tác và phát triển. Đó cũng chính là tư tưởng nhân văn, nhân ái cao cả của Mác, Ăngghen, Lênin, Hồ Chí Minh phấn đấu vì cuộc sống tốt đẹp của tất cả các dân tộc, của toàn nhân loại.

(1),(2),(3),(5) V.I. Lênin: *Toàn tập*, t.26, NXB Tiến bộ, Mátxcova, 1980, tr.59-60, 68, 72, 86.

(4) C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.19, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.500.

(6),(15),(19),(20) Mác và Ăngghen: *Sđd*, t.4, tr.613, 623-624, 627, 624.

(7),(8),(9),(10),(11),(12),(13),(14) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.1, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.33, 35, 63, 465,465, 464,466, 467.

(16) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.4, tr.272.

(17) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t.8, tr.494.

(18) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.68.